QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 169/2024/QH15

NGHỊ QUYẾT
Tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14, Luật số 47/2019/QH14, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 34/2024/QH15 và Luật số 43/2024/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng

1. Chính quyền địa phương ở thành phố Hải Phòng (sau đây gọi là Thành phố), thành phố Thủy Nguyên, huyện, xã, thị trấn tại Thành phố là cấp chính quyền địa phương gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

2. Chính quyền địa phương ở các quận tại Thành phố là Ủy ban nhân dân quận.

Ủy ban nhân dân quận là cơ quan hành chính nhà nước ở quận, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị quyết này và theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Chính quyền địa phương ở các phường tại Thành phố là Ủy ban nhân dân phường.

Ủy ban nhân dân phường là cơ quan hành chính nhà nước ở phường, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị quyết này và theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân thành phố Thủy Nguyên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủy Nguyên.

Điều 2. Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình, trong đó bao gồm dự toán ngân sách của chính quyền địa phương cấp dưới; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết theo thẩm quyền; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

b) Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố trên địa bàn quận, phường thuộc quận; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường thuộc quận, Tòa án nhân dân quận, Viện kiểm sát nhân dân quận;

c) Bầu Hội thẩm tại Tòa án nhân dân quận theo giới thiệu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố trên cơ sở đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận; miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm tại Tòa án nhân dân quận theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố trên cơ sở đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân quận sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận;

d) Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Chánh án Tòa án nhân dân quận, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận. Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét việc trả lời chất vấn của người bị chất vấn.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, không quá 02 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân Thành phố. Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố gồm Trưởng ban, 02 Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách, Phó Trưởng ban là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách. Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố có 01 Ủy viên hoạt động chuyên trách. Ủy viên hoạt động chuyên trách được hưởng lương theo quy định hiện hành đối với cán bộ, công chức; được hưởng phụ cấp chức vụ bằng chức danh trưởng phòng cấp sở và các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố. Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, quyết định giao và điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các quận, phường thuộc quận, quyết định chủ trương, biện pháp triển khai thực hiện ngân sách địa phương, bao gồm ngân sách quận, phường thuộc quận;

b) Quyết định giao nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội cho Ủy ban nhân dân quận;

c) Quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn các quận trực thuộc;

d) Quyết định chuyển một số chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố cho các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủy Nguyên;

đ) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố bảo đảm các nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đổi tên, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, bảo đảm không vượt quá số lượng tối đa cơ quan chuyên môn theo quy định của Chính phủ, tổ chức quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân quận.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

b) Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể. Việc ủy quyền phải bằng văn bản và quy định rõ trách nhiệm của người ủy quyền và người được ủy quyền, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức, chế độ làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận

1. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân quận gồm có Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Công an quận, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự quận, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, các cơ quan hành chính khác và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận. Ủy ban nhân dân quận loại I có không quá 03 Phó Chủ tịch, quận loại II, loại III có không quá 02 Phó Chủ tịch.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận là công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân quận.

2. Chế độ làm việc của Ủy ban nhân dân quận được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân quận làm việc theo chế độ thủ trưởng; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận là người đứng đầu Ủy ban nhân dân quận, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trực thuộc và người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận; tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật; ký văn bản của Ủy ban nhân dân quận;

c) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về nhiệm vụ được phân

công. Khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận vắng mặt, 01 Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy nhiệm thay mặt Chủ tịch điều hành và giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân quận.

3. Ủy ban nhân dân quận thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; phân bổ dự toán ngân sách, điều chỉnh dự toán ngân sách, quyết toán ngân sách của phường, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận và các đơn vị trực thuộc quận;

b) Quyết định giao nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội cho Ủy ban nhân dân phường trực thuộc;

c) Chịu trách nhiệm về hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước từ quận đến cơ sở, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của nền hành chính; thực hiện công tác cải cách hành chính và cải cách công vụ, công chức ở địa phương;

d) Đề xuất, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn theo phân cấp quản lý;

đ) Thực hiện nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, xây dựng chính quyền và địa giới hành chính, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, lao động, chính sách xã hội, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, hành chính tư pháp, bổ trợ tư pháp, các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, quản lý dân cư và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật trên địa bàn;

e) Tổ chức việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật, tiếp công dân theo quy định của pháp luật;

g) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền;

h) Phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân phường; ủy quyền cho cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận theo quy định của pháp luật;

i) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để quy định những vấn đề được luật, nghị quyết của Quốc hội giao và thực hiện phân cấp theo quy định tại điểm h khoản

này. Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường;

k) Quyết định đối với nhiệm vụ mà theo quy định của pháp luật phải trình Hội đồng nhân dân quận thông qua trước khi quyết định; trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đối với nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật;

l) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật mà không trái với quy định của Nghị quyết này.

Điều 5. Hội đồng nhân dân thành phố Thủy Nguyên

1. Hội đồng nhân dân thành phố Thủy Nguyên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình, trong đó bao gồm dự toán ngân sách của phường trực thuộc; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết theo thẩm quyền; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

b) Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Thủy Nguyên trên địa bàn phường trực thuộc; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trực thuộc.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Thủy Nguyên thành lập Ban Pháp chế - Đô thị và Ban Kinh tế - Xã hội để tham mưu, giúp Hội đồng nhân dân trong các lĩnh vực cụ thể sau đây:

a) Ban Pháp chế - Đô thị chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực thi hành Hiến pháp và pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới đơn vị hành chính; quy hoạch đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, tổ chức cung cấp dịch vụ công;

b) Ban Kinh tế - Xã hội chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực kinh tế, ngân sách, giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thông tin, thể dục, thể thao, khoa học, công nghệ, chính sách tôn giáo.

Điều 6. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủy Nguyên

1. Ủy ban nhân dân thành phố Thủy Nguyên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết này và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân;

b) Quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn các phường trực thuộc;

c) Quyết định giao nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội cho Ủy ban nhân dân phường trực thuộc.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủy Nguyên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trực thuộc;

b) Tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường trực thuộc theo quy định của pháp luật;

c) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân phường trực thuộc.

Điều 7. Cơ cấu tổ chức, chế độ làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường; quản lý cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn

1. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường gồm có Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường, Trưởng Công an phường, công chức khác làm việc tại Ủy ban nhân dân phường. Ủy ban nhân dân phường loại I và loại II có không quá 02 Phó Chủ tịch, phường loại III có 01 Phó Chủ tịch.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân phường.

2. Chế độ làm việc của Ủy ban nhân dân phường được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân phường làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là người đứng đầu Ủy ban nhân dân phường, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủy Nguyên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường; trực tiếp quản lý, sử dụng công chức theo quy định của Chính phủ và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân thành phố Thủy Nguyên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủy Nguyên; ký các văn bản của Ủy ban nhân dân phường;

c) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường về nhiệm vụ được phân công. Khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường vắng mặt, 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường được Chủ tịch ủy nhiệm thay mặt Chủ tịch điều hành và giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân phường.

3. Ủy ban nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ủy ban nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân quận hoặc Ủy ban nhân dân thành phố Thủy Nguyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Đề xuất, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn theo phân cấp quản lý;

c) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thành lập Tổ bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân;

d) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền;

đ) Thực hiện nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên tại địa bàn phường;

e) Quyết định theo thẩm quyền đối với nhiệm vụ mà theo quy định của pháp luật phải trình Hội đồng nhân dân phường thông qua trước khi quyết định; trình Ủy ban nhân dân quận hoặc Ủy ban nhân dân thành phố Thủy Nguyên quyết định đối với nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân phường quyết định theo quy định của pháp luật;

g) Ủy ban nhân dân phường không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

h) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật mà không trái với quy định của Nghị quyết này.

4. Cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn thuộc biên chế cán bộ, công chức cấp huyện. Việc bầu cử, tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử, tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức cấp huyện trở lên và theo thẩm quyền, phân cấp quản lý.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng theo quy định tại Nghị quyết này;

b) Quy định cụ thể về tổ chức, hoạt động của Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường, chế độ trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận; bầu cử, tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận và cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn; lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách quận, phường;

c) Quy định cụ thể việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác tại các đơn vị hành chính thực hiện Nghị quyết này.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Ban hành các quy định cần thiết để triển khai thực hiện tổ chức chính quyền đô thị theo quy định của Nghị quyết này và hướng dẫn của Chính phủ; thực hiện phân cấp, ủy quyền cụ thể cho chính quyền địa phương ở quận, thành phố Thủy Nguyên và phường phù hợp với tổ chức quản lý đô thị và khả năng thực tiễn của từng địa phương;

c) Chỉ đạo rà soát, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức làm việc ở quận, phường theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và Nghị quyết này; giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư khi thực hiện Nghị quyết này và quy định, hướng dẫn của Chính phủ;

d) Nghiên cứu, đề xuất và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền các chính sách bổ sung khi thực hiện Nghị quyết này;

đ) Hội đồng nhân dân Thành phố được điều chỉnh thủ tục hành chính quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị quyết này theo nguyên tắc những nội dung phân cấp đã có quy định thủ tục hành chính thì điều chỉnh chủ thể thực hiện thủ tục hành chính trên cơ sở hồ sơ và trình tự, thủ tục theo quy định hiện hành của pháp luật, không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính mới; những nội dung phân cấp chưa có quy định thủ tục hành chính thì thực hiện theo trình tự, thủ tục hành chính do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định, bảo đảm đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, tiết kiệm thời gian, chi phí, công sức của đối tượng và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính.

3. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố và các đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Việc tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng theo mô hình quy định tại Nghị quyết này được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 10. Quy định chuyển tiếp

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, phường nhiệm kỳ 2021 - 2026 kết thúc nhiệm vụ vào ngày 30 tháng 6 năm 2026.

2. Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị quyết này. Trường hợp chưa bổ nhiệm được Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường

thì Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường nhiệm kỳ 2021 - 2026 tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị quyết này cho đến khi Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường mới được bổ nhiệm.

3. Cán bộ, công chức cấp xã tại thành phố Hải Phòng được bầu hoặc tuyển dụng trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được chuyển thành cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức thuộc biên chế hành chính được giao hằng năm cho cấp huyện để tiếp tục làm việc tại vị trí đang công tác ở xã, phường, thị trấn; trường hợp chuyển sang vị trí việc làm mới thì phải bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và phù hợp với vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Văn bản của chính quyền địa phương ở quận, phường được ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2026, nếu chưa được cơ quan có thẩm quyền thay thế hoặc bãi bỏ thì vẫn được áp dụng.

Trường hợp văn bản của Hội đồng nhân dân quận và văn bản của Hội đồng nhân dân phường được ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2026 mà không còn phù hợp thì Hội đồng nhân dân Thành phố bãi bỏ văn bản của Hội đồng nhân dân quận và văn bản của Hội đồng nhân dân phường thuộc quận; Hội đồng nhân dân thành phố Thủy Nguyên bãi bỏ văn bản của Hội đồng nhân dân phường trực thuộc.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 30 tháng 11 năm 2024.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn